

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MY
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2023

*“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MY - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Dương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hà.

2. Ông Ngô Thanh Hà.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Hà – Cán bộ Tòa
án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Đình Lộc – Kiểm sát viên.*

Ngày 12/4/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST–DS, ngày 20/7/2022, về việc: **“Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐST-DS, ngày 24/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS, ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn TC, sinh năm 1970 – Chủ đại lý
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quý M, sinh năm 1978 và bà Trần Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn TP, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn TC trình bày:

“Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC có cung cấp số lượng phân bón từ năm 2018 đến năm 2021 cho ông Lê Quý M, bà Trần Thị T. Tính đến ngày 06/02/2021 hai bên chốt nợ ông Lê Quý M, bà Trần Thị T còn nợ số tiền mua phân bón là 288.420.000 đồng (theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón ngày 06/02/2021) và tiền lãi kể từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/5/2022 (là 15 tháng) (lãi suất là 1,4%/tháng) làm tròn là 60.000.000 đồng, tổng cộng: 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Nay “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC yêu cầu ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới trả một lần dứt điểm khoản nợ trên (cả gốc và lãi) cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC tổng số tiền gốc và lãi là 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2022.

Bị đơn trong vụ án là ông Lê Quý M, bà Trần Thị T:

Ông Lê Quý M vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Bà Trần Thị T tại Bản tự khai ngày 22/8/2022 gửi qua đường bưu điện với nội dung: Gia đình bà thường mua phân bón tại cơ sở phân bón TC để chăm sóc cây cà phê, những năm trước đều trả đủ tiền.

Vào tháng 3/2018 tôi (T) có mua phân bón tại cơ sở phân bón TC và hẹn đến cuối năm thu cà phê rồi trả tiền nhưng không có thỏa thuận về lãi suất với số nợ. Chốt nợ tiền phân bón thì vợ chồng tôi còn nợ 204.800.000 đồng. Đến tháng 5/2018 tôi mua thêm phân bón và còn nợ thêm số tiền 10.700.000 đồng, đến tháng 8/2018 mua phân bón và nợ thêm số tiền 14.490.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng tôi còn nợ tiền mua phân bón là 229.990.000 đồng.

Đến ngày 16/01/2020 tôi đã trả cho cơ sở phân bón TC số tiền 21.570.000 đồng, ngày 06/02/2021 tôi tiếp tục trả số tiền 29.680.000 đồng. Tổng cộng tôi đã trả 51.250.000 đồng và còn nợ lại số tiền 178.740.000 đồng. Do đó, tôi chỉ công nhận còn nợ lại cơ sở phân bón TC số tiền 178.740.000 đồng chứ không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện vợ chồng tôi còn nợ số tiền 288.420.000 đồng và tiền lãi kể là 62.580.000 đồng, tổng cộng: 351.000.000 đồng (ba trăm năm mươi một triệu đồng). Vì khi mua phân bón không có thỏa thuận về tính lãi suất đối với số tiền nợ phân.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Ông Lê Quý M, bà Trần Thị T vẫn cố tình không đến làm việc và tham gia các phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa. Ông M, bà T cũng cố tình không có ý kiến gì thể hiện chính kiến về giải quyết cụ án. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Quý M, bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai. Thẩm phán Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đều được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới có nghĩa vụ trả cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Lê Quý M, bà Trần Thị T có nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn TP, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MY.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Quý M, bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T vẫn có mặt tại địa phương nhưng không không hợp tác để giải quyết vụ án, việc vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao, đề tiên hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Quý M, bà Trần Thị T. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng M mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã mua phân còn nợ tổng cộng là 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (mua bán phân bón) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC có cung cấp số lượng phân bón cho ông Lê Quý M, bà Trần Thị T chốt nợ số tiền mua phân bón là 288.420.000 đồng (theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón ngày 06/02/2021) và tiền lãi kể từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/5/2022 (là 15 tháng) (lãi suất là 1,4%/tháng) làm tròn là 60.000.000 đồng, tổng cộng: 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

“Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC khởi kiện buộc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới trả cho 1 lần đủ số tiền 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2022.

Xét yêu cầu của “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC thì thấy rằng: Giao dịch dân sự về việc mua bán phân bón giữa “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC với ông Lê Quý M, bà Trần Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội vì vậy giao dịch này là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng cũng như thực hiện đúng những thỏa thuận, cam kết khi xác lập giao dịch. “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC đã thực hiện nghĩa vụ giao đủ số lượng phân bón cho ông M, bà T nhưng ông M, bà T lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả đủ tiền theo thỏa thuận cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC. Hàng hóa là phân bón là đối tượng được phép lưu thông trên thị trường. Các bên đã thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng hóa và thanh toán cho nhau một phần và còn nợ lại một phần chưa thanh toán. Như vậy, ông M, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà mình đã cam kết và “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà T phải trả số tiền còn nợ đã mua phân là có căn cứ.

Xét giao dịch giữa “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC với ông M, bà T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”.

Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”.

Theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón mà “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC cung cấp chốt nợ 06/02/2021, ông Lê Quý M, bà Trần Thị T còn nợ số tiền mua phân bón là 288.420.000 đồng (theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón ngày 06/02/2021) và tiền lãi kể từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/5/2022 (là 15 tháng) (lãi suất là 1,4%/tháng) làm tròn là 60.000.000 đồng, tổng cộng: 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền này đã được “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa.

Ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ tiền đã mua phân bón cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC như đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về lãi suất: “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 1,4%/tháng từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/5/2022 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 01/6/2022, đây là sự tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC được chấp nhận nên ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $348.420.000 \times 5\% = 17.421.000$ đồng. “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chấp nhận yêu cầu của “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC về việc buộc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới trả số tiền 348.420.000 đồng (ba trăm bốn

mười tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 429, 430, 431, 432, 433, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC.

- Buộc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới trả cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền gốc là 288.420.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng, tổng cộng: 348.420.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Buộc ông Lê Quý M, bà Trần Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.421.000 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn đồng*).

+ “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho “Hộ kinh doanh” cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.775.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010721, ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MY, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện MY;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện MY;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương